

TT	Chương/C hủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng % điểm
			NB		TH		VD		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Biểu thức đại số	Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến	7 (TN 1,2,3,4,5,6,7) 1,75đ	1 (TL1a) 1,0đ		2 (TL 1b,2a) 2,0đ		2 (TL2b, 4) 2đ	67,5%
2	Tứ giác	Tứ giác			1 (TN 11) 0,25đ	Hình vẽ TL3 0,5đ			7,5%
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	3 (TN 8,10,12) 0,75đ	1 TL3b 0,5đ	1 (TN 9) 0,25đ			1 (TL 3a) 1,0đ	25%
Tổng: Số câu Điểm			10 2,5đ	2 1,5đ	2 0,5đ	2 2,5đ		3 3,0đ	19 10đ
Tỉ lệ phần trăm			40%		30%		30%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%		100%

Tổ trưởng

Người ra đề

Ban giám hiệu

TT	Chương/Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				NB	TH	VD
1	Biểu thức đại số	Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến	Nhận biết: – Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đơn thức đồng dạng, đa thức nhiều biến. Nhân đơn thức với đa thức	8 (TN 1,2,3,4,5,6,7)+ TL 1a		
			Thông hiểu: – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ các đa thức trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép nhân đa thức với đa thức và phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.		2 (TL 1b, 2a)	
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến. – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến.			2 TL2b, TL4
2	Tứ giác	Tứ giác	Nhận biết: – Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi.		Hình vẽ TL 3	
			Thông hiểu: – Giải thích được định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360° .		1 TN11	
		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	Nhận biết: – Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân. – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông.	4 (TN 8,10,12)+ TL 3b		

			Thông hiểu – Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. – Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. – Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi. – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông.		1 TN9	
			Vận dụng - Chứng minh được tứ giác là Hình thang cân. Hình bình hành. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình vuông.			1 (TL 3a)
Tổng: Số câu Điểm				12 4đ	4 3đ	3 3đ
Tỉ lệ phần trăm				40%	30%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

Tổ trưởng

Người ra đề

Ban giám hiệu

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
Năm học 2025 – 2026
MÔN : TOÁN 8

Họ và tên:.....

Thời gian: 90 phút (không kể phát đề)

Lớp: 8/

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét:</u>

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

Chọn đáp án đúng trong các câu trả lời đã cho ở bên dưới rồi ghi vào giấy bài làm. Ví dụ: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi là: 1A...

Câu 1. Trong các biểu thức đại số sau, biểu thức nào là đơn thức ?

- A. $3x^2 - 2xy$. B. $-\frac{6}{5}x + y$. C. $-xy$. D. $\sqrt{x}$.

Câu 2. Biểu thức nào là đa thức ?

- A. $\frac{1}{x}$. B. $3\sqrt{xy}$. C. $\frac{3x}{4y}$. D. $xy - 5x$

Câu 3. Cho hai đa thức A và B có cùng bậc 3. Gọi C là tổng của hai đa thức A và B.

Vậy đa thức C có bậc là :

- A. Bậc 3. B. Bậc không lớn hơn 3. C. Bậc nhỏ hơn 3. D. Bậc lớn hơn 3.

Câu 4. Thu gọn đơn thức $x^2y \cdot xyz^2$ ta được:

- A. $x^3y^2z^2$. B. x^3y^2z . C. $x^2y^2z^2$. D. x^3yz^2 .

Câu 5. Bậc của đa thức $A = 5x^2y + 8xy - 2x^2 - 5x^2y + x^2$ là:

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.

Câu 6. Tích của đơn thức $3x^2yz$ và đơn thức $-5y^2z^2$ là:

- A. $15x^2y^3z^3$. B. $-15x^2y^3z^3$. C. $-15x^3y^3z^3$. D. $15x^3y^3z^3$.

Câu 7. Kết quả của phép tính $56x^3y^2z : (-7x^2y)$ là:

- A. $8x^5y^3z$. B. $8xyz$. C. $-8x^5y^3z$. D. $-8xyz$.

Câu 8. Tứ giác ABCD là hình thang vì có:

- A. $AB \parallel CD$. B. $AB = CD$. C. $AB \perp CD$. D. $AB \equiv CD$.

Câu 9. Hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$) có $\widehat{C} = 80^\circ$. Số đo góc $\widehat{D}$ là:

- A. $\widehat{D} = 70^\circ$. B. $\widehat{D} = 110^\circ$. C. $\widehat{D} = 80^\circ$. D. $\widehat{D} = 180^\circ$.

Câu 10. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Tứ giác có hai cạnh bên bằng nhau là hình thang cân.
B. Hình thang cân có hai đáy bằng nhau.
C. Hình thang cân có hai góc kề một cạnh đáy bù nhau.
D. Hình thang cân có hai góc kề một cạnh đáy bằng nhau.

Câu 11. Tứ giác ABCD có $\widehat{A} = 50^\circ$, $\widehat{B} = 120^\circ$, $\widehat{C} = 100^\circ$. Số đo $\widehat{D}$ bằng:

- A. 50° . B. 60° . C. 90° . D. 70° .

Câu 12. Trong các dấu hiệu nhận biết sau, dấu hiệu nào **không đủ** để kết luận tứ giác đó là hình vuông?

- A. Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là hình vuông.
- B. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông.
- C. Hình chữ nhật có một đường chéo là phân giác của một góc là hình vuông.
- D.** Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm)

- a) Sắp xếp các đơn thức sau thành từng nhóm, mỗi nhóm chứa tất cả các đơn thức đồng dạng với nhau:

$$x^2y; -0,5xy^2; 3,1xy^2; 9x^2y; \frac{5}{4}xy^2; -3x^2y.$$

- b) Thực hiện phép chia: $(8x^4y^2 - 16x^2y^3 + 28x^2y) : 4x^2y$.

Bài 2. (2 điểm) Cho 2 đa thức $A = x^2 + 6xy - 4y^2$ và $B = -3x^2 - 2xy + 3y^2$

- a) Tính $A + B$.

- b) Tính giá trị của đa thức $A + B$ tại $x = -1, y = 3$.

Bài 3. (2 điểm) Cho hình bình hành ABCD. Gọi E, F lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, CD. Chứng minh rằng:

- a) Tứ giác AECF hình bình hành

- b) $AF = EC$.

Bài 4. (1 điểm) Cho $a + b + c = 2p$. Chứng minh: $2bc + b^2 + c^2 - a^2 = 4p(p - a)$

-----Hết-----

Người duyệt đề

Người ra đề

Ban giám hiệu

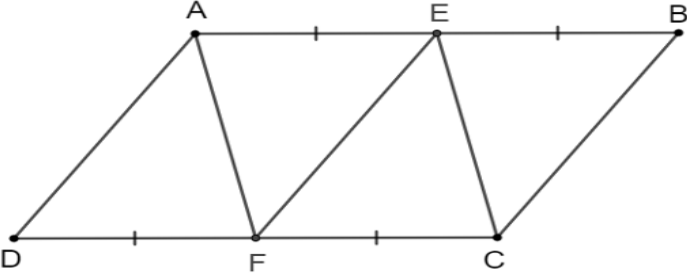
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA
MÔN: TOÁN 8 – NĂM HỌC 2025 – 2026

Thời gian: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3.0 điểm). Mỗi câu TN đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	B	A	C	B	D	A	C	D	C	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2đ)	a) x^2y ; $9x^2y$; $-3x^2y$. -0,5 xy^2 ; 3,1 xy^2 ; $\frac{5}{4}xy^2$.	0,5 0,5
	$(8x^4y^2 - 16x^2y^3 + 28x^2y) : 4x^2y$ b) $= 8x^4y^2 : 4x^2y - 16x^2y^3 : 4x^2y + 28x^2y : 4x^2y$ $= 2x^2y - 4y^2 + 7$	0,5 0,5
Bài 2 (2 đ)	a) $A = x^2 + 6xy - 4y^2$ và $B = -3x^2 - 2xy + 3y^2$ $A + B = (x^2 + 6xy - 4y^2) + (-3x^2 - 2xy + 3y^2)$ $= (x^2 - 3x^2) + (6xy - 2xy) + (-4y^2 + 3y^2)$ $= -2x^2 + 4xy - y^2$	0,5 0,5
	b) Thay $x = -1$, $y = 3$ vào $A + B$ ta có $A + B = -2.(-1)^2 + 4.(-1).3 - 3^2$ $= -2 - 12 - 9 = -23$.	0,5 0,5
Bài 3 (2đ)	Vẽ hình đúng. 	0,5
	a) Vì ABCD là hình bình hành nên $AB = CD$, $AB \parallel CD$. Mà E, F lần lượt là trung điểm của AB, CD nên $AE = BE$, $CF = DF$. Do đó $AE = BE = CF = DF$. Xét tứ giác AECF có: $AE \parallel CF$ (vì $AB \parallel CD$); $AE = CF$ (chứng minh trên) Do đó tứ giác AECF là hình bình hành.	0,25 0,25 0,25 0,25
	b) Vì tứ giác AECF là hình bình hành nên $AF = EC$ (đpcm).	0,5
Bài 4. (1đ)	Xét $VP = 4p(p - a) = 2p(2p - 2a)$	0,25
	$= (a + b + c)(a + b + c - 2a) = (a + b + c)(b + c - a)$ $= (ab + ac - a^2 + b^2 + bc - ab + bc + c^2 - ac)$	0,25

	$= b^2 + c^2 + 2bc - a^2 = VT$ Vậy đẳng thức được chứng minh	0,25
		0,25

Lưu ý: *Học sinh có thể giải cách khác nếu đúng thì vẫn ghi điểm tối đa.*

Người duyệt đề

Người ra đề